

Số: 64/2020/QĐST–HNGĐ

Lào Cai, ngày 17 tháng 07 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 104/2020/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 06 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thanh N

Địa chỉ: Tổ 16, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai

Bị đơn: Anh Nguyễn Trung K

Địa chỉ: Tổ 25, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

- Căn cứ vào Điều 212, 213 – Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 - Luật hôn nhân & gia đình.
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 9 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 9 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thanh N và anh Nguyễn Trung K.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự

Nguyên đơn: Chị Phạm Thanh N

Địa chỉ: Tổ 16, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai

Bị đơn: Anh Nguyễn Trung K

Địa chỉ: Tổ 25, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trung T sinh ngày 18/11/2018 cho chị Phạm Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Về Cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Trung K phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn) cho đến khi

cháu Nguyễn Trung T đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Trung K không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468-bộ luật dân sự.

- Về án phí: Chị Phạm Thanh N nhận chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0008384 ngày 22/06/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L. Hoàn trả lại cho chị Phạm Thanh N tiền chênh lệch là 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Anh Nguyễn Trung K phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND tỉnh
- VKSND TP
- THADSTP;
- Các đương sự (2);
- Lưu HS – Tập QĐ.
- UBND phường B
(Nơi ĐKKH)
- UBND phường C

Thẩm phán

Đỗ Thị Thanh Hương